

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-ST

Ngày: 14-11-2022

“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 180/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Phan Văn C, sinh năm 1949 (chết).

Địa chỉ: ấp 1, xã BHD, huyện MH, tỉnh Long An.

- Bà Phan Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp 1, xã BHD, huyện MH, tỉnh Long An.

- Ông Phan Văn D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 211, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị N1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 69, ấp 9, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị C1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 42, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị D1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 528, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 608, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp 1, xã BHD, huyện MH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị V, bà Phan Thị N, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị L:

Ông Phan Văn D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 211, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của ông Phan Văn C:

- Bà Võ Thị N2, sinh năm 1952.

Địa chỉ: 202, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Phan Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 92, ấp 6, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Chị Phan Thị Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 117, ấp 6, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Phan Thanh Em, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã PT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Phan Thanh Thoại, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 11/12D, khu phố BH, phường LT, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

- Chị Phan Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp 1, xã BHD, huyện MH, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Em, anh Phan Thanh Thoại:

Ông Phan Văn D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 211, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* - Bà Phan Thị M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị Tr, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Hoàng Nh, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Tấn U, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 528, ấp 8, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Tr:

Ông Lê Văn Á – Luật gia Hội Luật gia huyện Giồng Trôm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D, bà N1, bà D1, bà Tr, bà M có mặt; chị T, anh Nh vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/10/2022, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn C, bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị V, bà Phan Thị N, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị L là ông Phan Văn D trình bày:

Cha mẹ các nguyên đơn là ông Phan Văn Thiệt (sinh năm 1935, chết năm 2017) và bà Nguyễn Thị Ba (sinh năm 1932, chết năm 2004). Ông Thiệt, bà Ba không có con riêng, không có con nuôi, có các con ruột gồm: ông Phan Văn C, bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V, bà Phan Thị M, bà Phan Thị Tr và bà Phan Thị Diệu đã chết (không có chồng, con), ngoài ra không còn ai khác.

Lúc còn sống, ông Thiệt có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phân đất diện tích 939.3m² (đất ở nông thôn 150m², 789.3m² đất trồng cây lâu năm) thửa số 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 8, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nguồn gốc là của cha mẹ nhưng sau khi mẹ chết thì họp mặt gia đình anh em thống nhất giao phần đất này cho ông Thiệt đứng tên. Năm 2017, ông Thiệt chết có để lại di chúc ngày 13/3/2015, nội dung chia cho bà Phan Thị M được hưởng 300m² đất (chiều ngang 10m, chiều dài 30m); phần diện tích còn lại là 639m² (trên đất có ngôi nhà gỗ diện tích khoảng 70m²) là phần hương hỏa thổ mộ nhưng không có chỉ định ai là người quản lý và anh em trong gia đình không thống nhất cử ai đứng ra quản lý nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đều diện tích 639m² đất cho 10 người con của ông Phan Văn Thiệt, mỗi người nhận 63.9m². Đối với căn nhà khi chia nằm trên phần đất của người nào được nhận thì người đó quản lý và thờ cúng cha mẹ, ai nhận phần đất nhiều thì sẽ

trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít.

Khi chết, cha mẹ không có để lại nghĩa vụ tài sản gì, cha mẹ bệnh và chết đều do bà D1 lo chi phí đám tang. Các nguyên đơn không có yêu cầu gì về chi phí lo cho cha mẹ khi bệnh và chi phí mai táng, chôn cất cha mẹ.

Sau khi đo đạc thực tế, các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn đồng ý để cho bà M được quyền sử dụng thửa 245b diện tích 295.6m², diện tích còn lại thửa 245c diện tích 553.3m² và căn nhà cùng tài sản trong nhà, tài sản trên đất (trừ tấm tôn ông N cho ông C và trừ chuồng gà của bà M làm và các cây của bà M trồng) thì để tất cả nguyên đơn, bị đơn và vợ con ông C gồm bà N2, chị P, chị Y, anh Em, anh Thanh Thoại, chị T cùng đứng tên chung.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Tr về việc yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán lại cho bà Tr giá trị nhà, giá trị tài sản khác thì các nguyên đơn và bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Em, anh Phan Thanh Thoại không đồng ý.

Đối với phần đất bà Tr chỉ đo đạc qua đất của bà D1, ông U (thửa đất 337) thì các nguyên đơn và bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Em, anh Phan Thanh Thoại không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/10/2022, biên bản hòa giải, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C, người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Em, anh Phan Thanh Thoại là ông Phan Văn D trình bày:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C cùng các nguyên đơn đã có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý chia phần đất để cho bà M được quyền sử dụng thửa 245b diện tích 295.6m². Còn lại thửa 245c diện tích 553.3m² và căn nhà cùng tài sản trong nhà, tài sản trên đất (trừ tấm tôn ông N cho ông C và trừ chuồng gà của bà M làm và các cây của bà M trồng) thì để tất cả các nguyên đơn, bị đơn và vợ con ông C cùng đứng tên chung vì đó là phần hương hỏa thổ mộ nhưng không đồng ý giao cho ai quản lý, cứ để đứng tên chung như vậy, ai muốn sử dụng thì sử dụng vì căn nhà trên đất không có thờ cúng ai hết, ông C cũng được anh Phan Thanh Thoại thờ cúng ở chỗ khác.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phan Thị Tr trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về nguồn gốc đất, hàng thừa kế và di sản thừa kế.

Bà thống nhất đất có nguồn gốc của cha bà để lại thuộc thửa đất số 245, tờ

bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, theo di chúc ngày 13/3/2015 của cha bà để lại thì chia cho bà Phan Thị M được hưởng 300m² đất, phần diện tích còn lại là 639m² trên đất có căn nhà của cha để lại thì anh em được quyền sở hữu chung, bà cũng đồng ý với di chúc này và đồng ý phần diện tích đất còn lại (sau khi trừ phần chia thừa kế cho bà M) và căn nhà trên đất thì tất cả anh em đều được đồng sở hữu.

Theo đo đạc hiện nay, bà đồng ý chia cho bà M phần đất thửa 245b diện tích 295.6m², còn lại thửa 245c diện tích 553.3m² và căn nhà bà đồng ý để tất cả nguyên đơn, bị đơn và vợ con ông C cùng đứng tên chung.

Riêng bà có bỏ tiền ra mua một số đồ dùng để thờ cúng và sửa chữa nhà thờ gồm các khoản: gắn đèn năng lượng nhà thờ 1.200.000 đồng; mua 01 tủ thờ 13.500.000 đồng; mua 02 bộ chân đèn 6.000.000 đồng; sửa 02 bộ ván, 02 giường ngủ và mua 10 cây mít trồng số tiền 5.800.000 đồng; mua 02 đôi chiếu tre 1.020.000 đồng; tiền công làm vách nhà, tôn, sắt 17.320.000 đồng; tiền công thợ và mua gạch lót nền nhà 50.000.000 đồng. Tổng chi phí bà đã bỏ ra đầu tư là 97.000.000 đồng. Bà yêu cầu 08 người con của ông Thiệt gồm các nguyên đơn mỗi người phải thanh toán cho bà số tiền 9.700.000 đồng, ông C chết thì vợ con ông C phải trả. Riêng phần của bà M bà không yêu cầu bà M phải trả.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phan Thị M trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông D về nguồn gốc đất, hàng thừa kế. Theo di chúc, bà được chia 300m² đất thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà đã cất nhà trên phần đất 300m² này trước khi ông Thiệt chết và hiện tại bà đang quản lý, sử dụng đất nhưng chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, theo đo đạc hiện nay phần đất bà sử dụng diện tích là 295.6m², bà yêu cầu nhận phần đất này theo di chúc. Phần đất còn lại diện tích 553.3m² và căn nhà trên đất, bà đồng ý để tất cả nguyên đơn, bị đơn và vợ con ông C cùng đứng tên chung, bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc và quản lý nhà.

Đối với phần đất bà Tr chỉ đo đạc qua đất của bà D1, ông U (thửa đất 337), bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản ngày 12/4/2022 (BL 302), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hoàng Nh trình bày:

Anh là con của bà Phan Thị M, anh ở chung nhà và chung hộ khẩu với bà M. Phần đất tranh chấp là do ông, bà để lại cho bà M, bà M toàn quyền quyết định. Anh thống nhất với ý kiến của bà M. Anh không tranh chấp gì trong vụ án này.

Do bận công việc nên anh yêu cầu giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn U trình bày:

Thửa đất 337 là tài sản chung của ông và bà D1. Đó không phải là di sản thừa kế của ông Phan Văn Thiệt. Vì vậy, lần đo đạc vừa rồi bà Tr yêu cầu đo qua phần đất của ông là ông không đồng ý. Tuy nhiên, bản đồ thể hiện đất vẫn thuộc thửa 337 của ông nên ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án, toàn bộ tài sản trên thửa đất 337a là của vợ chồng ông. Hiện tại, các đương sự không có tranh chấp phần đất này nên ông cũng không tranh chấp.

Vách tôn diện tích 5,2m x 2,5m trên đất là của ông để trên đất khi đám tang ông C nhưng nay ông đã cho ông D.

Tại biên bản ngày 24/10/2022 (BL 348), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C là chị Phan Thị T trình bày:

Chị không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã công bố.

Chị không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng vào vụ án; không có yêu cầu thu thập chứng cứ, xác minh gì thêm.

Chị đồng ý với kết quả đo đạc ngày 12/4/2022 và kết quả định giá ngày 05/5/2022. Đối với phần đất 90.4m² mà ông Tài và bà C1 đang sử dụng thì chị không tranh chấp và không yêu cầu đưa ông Tài vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Đối với phần đất bà Tr chỉ đo đạc qua đất của bà D1, ông U (thửa đất 337) thì chị không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông bà nội chị là ông Phan Văn Thiệt (sinh năm 1935, chết năm 2017) và bà Nguyễn Thị Ba (sinh năm 1932, mất năm 2004), còn 10 người con gồm các nguyên đơn, bị đơn và bà Phan Thị Diệu đã chết (không có chồng, con), ngoài ra không còn ai khác.

Chị là con của ông Phan Văn C. Ông C đã chết. Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn C gồm có vợ là bà Võ Thị N2, các con là chị Phan Thị P, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Em, anh Phan Thanh Thoại và chị, ngoài ra không còn ai khác.

Theo đơn khởi kiện, ông C và các nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản là phần đất có diện tích 939.3m² (đất ở nông thôn 150m², 789.3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 245, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo di chúc ngày 13/3/2015 của ông Phan Văn Thiệt như sau: Chia cho bà Phan Thị M được hưởng 300m² đất (chiều ngang 10m, chiều dài 30m). Phần diện tích còn lại là 639m² (trên đất có ngôi nhà gỗ diện tích khoảng 70m²), trong di chúc có nói đây là phần hương hỏa thổ mộ nhưng không có chỉ định ai là người quản lý và anh em trong gia đình không thống

nhất cử ai ra quản lý nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đều diện tích 639m² đất cho 10 người con của ông Phan Văn Thiệt, mỗi người nhận 63.9m². Đối với căn nhà khi chia nằm trên phần đất của người nào được nhận thì người đó quản lý và thờ cúng cha mẹ, ai nhận phần đất nhiều thì sẽ trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít.

Tuy nhiên, chị kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C cùng các nguyên đơn đã có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đồng ý chia phần đất để cho bà M được quyền sử dụng thửa 245b diện tích 295.6m², còn lại thửa 245c diện tích 553.3m² và căn nhà thì để tất cả nguyên đơn, bị đơn và vợ con ông C cùng đứng tên chung vì đó là phần hương hỏa thổ mộ nhưng chị và các nguyên đơn không đồng ý giao cho ai quản lý, cứ để đứng tên chung như vậy, ai muốn sử dụng thì sử dụng vì căn nhà trên đất không có thờ cúng ai hết, cha chị cũng được anh Phan Thanh Thoại thờ cúng ở chỗ khác.

Chị không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Tr, không đồng ý trả tiền cho bà Tr.

Do chị bận công việc và ở xa nên chị yêu cầu Tòa án không mời chị đối chất và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị tại tất cả các cấp xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Tr trình bày:

Các đương sự thống nhất về việc chia thừa kế theo di chúc của ông Phan Văn Thiệt, thống nhất bà M được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 295.6m² thửa 245b, còn lại thửa 245c diện tích 553.3m² thì nguyên đơn, bị đơn và những người thừa kế của ông C đứng tên chung. Đồng thời, các nguyên đơn cũng đồng ý trả cho bà Tr số tiền 22.200.000 đồng nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Phía bà Tr có yêu cầu để cho bà M trực tiếp quản lý, sử dụng đất diện tích 553.3m², đề nghị Tòa án chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, việc lập hồ sơ giải quyết, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành các thủ tục thông báo, tổng đạt các đương sự tham gia công khai chứng cứ, hòa giải, triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác: Thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73, 76 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 657, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều 609, 611, 613, 616, 618, 623, 630, 645, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em đối với bà Phan Thị M, bà Phan Thị Tr về việc chia thừa kế thừa đất số 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị M được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 295.6m² (trong đó có 50m² đất ở tại nông thôn và 245.6m² đất trồng cây lâu năm), thửa 245b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, (trên đất có nhà và các tài sản của bà M).

Bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V và những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em, bà Phan Thị M, bà Phan Thị Tr được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 533.3m² (trong đó có 100m² đất ở tại nông thôn và 433.3m² đất trồng cây lâu năm), thửa 245c, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất (trừ chuồng gà do bà M làm, các cây do bà M trồng và vách tôn của ông N cho ông D).

- Buộc bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V và những người kế thừa quyền và N vụ của ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em phải có N vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Tr số tiền là 22.200.000 đồng.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ông Thiệt chết ngày 21/02/2017, có di chúc. Các nguyên đơn có đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và được thụ lý trong năm 2021, còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

Theo giấy ủy quyền của bà N2, chị P, chị Y, anh Em, anh Thoại có ủy quyền cho ông D được quyền ký, nộp, rút, bổ sung đơn khởi kiện... và được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ nên ông D ký đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là với tư cách nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bà N2, chị P, chị Y, anh Em, anh Thoại là phù hợp với nội dung đã ủy quyền và đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án, có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định pháp luật.

Các đương sự không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố và đồng ý với kết quả đo đạc ngày 12/4/2022 và kết quả định giá ngày 05/5/2022, không có yêu cầu thu thập chứng cứ, xác minh gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng. Đối với phần đất 90.4m² mà anh Võ Tấn Tài (sinh năm 1981, địa chỉ ấp 8 (Long Thị), xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) và bà C1 đang sử dụng thì không ai tranh chấp và không ai yêu cầu đưa anh Tài vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Đối với phần đất bà Tr chỉ đo đạc qua đất của bà D1, ông N (thừa đất 337) thì không ai tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, anh Tài không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông U liên quan do có tài sản trên đất tranh chấp là tấm tôn nên được đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Anh Nh, chị T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh, chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Phan Văn C gồm: bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh

Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em và các nguyên đơn là bà Phan Thị N; ông Phan Văn D; bà Phan Thị N1; bà Phan Thị C1; bà Phan Thị D1; bà Phan Thị L; bà Phan Thị V yêu cầu bà Phan Thị M; bà Phan Thị Tr chia thừa kế thừa đất 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Tr, bà M đồng ý chia thừa kế thừa đất 245 theo yêu cầu các nguyên đơn. Đồng thời bà Tr phản tố yêu cầu các nguyên đơn mỗi người thanh toán lại cho bà Tr tiền mua đồ dùng trong nhà thờ và sửa chữa nhà thờ số tiền là 9.700.000 đồng, ông C chết thì người thừa kế của ông C trả cho bà 9.700.000 đồng.

[2.2] Xét lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Về nguồn gốc đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 268173, phần đất diện tích 939.3m² thửa 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho ông Phan Văn Thiệt vào ngày 17/12/2010.

Các nguyên đơn, bị đơn trình bày thống nhất rằng đất có nguồn gốc của ông Phan Văn Thiệt và bà Nguyễn Thị Ba. Vào năm 2001, bà Ba chết, ông Thiệt và tất cả những người con của ông Thiệt, bà Ba đã họp mặt thống nhất giao quyền sử dụng đất cho ông Thiệt đứng tên quản lý, sử dụng nên xác định thửa đất 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Thiệt.

Vào ngày 13/3/2015, ông Thiệt lập di chúc chia cho bà M được hưởng phần đất diện tích 300m², phần còn lại 639m² là phần hương hỏa thổ mộ. Các đương sự thống nhất thực hiện theo di chúc của ông Thiệt để lại, cụ thể: theo kết quả đo đạc hiện nay, phần đất diện tích 295.6m² thửa 245b giao cho bà M đứng tên quản lý, sử dụng; phần đất còn lại diện tích 553.3m² thửa 245c do ông Thiệt chỉ nói để lại dùng làm hương hỏa thổ mộ, không nói giao cho ai đứng tên, nên các đương sự tự nguyện thống nhất giao cho tất cả những người con ruột của ông Thiệt gồm bà N, ông D, bà N1, bà C1, bà D1, bà L, bà V, bà M, bà Tr và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà N2, chị P, chị T, chị Y, anh Thoại, anh Em cùng đứng tên phần đất diện tích 553.3m² thửa 245c dùng làm đất hương hỏa thổ mộ. Sự tự nguyện, thống nhất này của các đương sự phù hợp với di chúc do ông Thiệt để lại và phù hợp quy định pháp luật nên cần được ghi nhận.

[2.3] Trên phần đất chia cho bà M diện tích 295.6m² thửa 245b có nhà và cây trồng trên đất của bà M. Các nguyên đơn và bà Tr thống nhất toàn bộ tài sản trên phần đất này là của bà M, không ai có yêu cầu gì về tài sản trên đất.

[2.4] Trên phần đất các nguyên đơn, bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C được quyền đồng sử dụng diện tích 553.3m² thửa

245c có các tài sản: 02 cây đu đủ sắp có trái, 03 cây dừa trên 06 năm, 01 cây dừa từ 01 năm đến dưới 04 năm, 01 cây mít từ 06 đến 10 năm, 04 cây mít từ 01 năm đến dưới 04 năm, 01 cây xoài từ 04 năm đến dưới 06 năm, 05 bụi chuối; nhà nền xi măng cột gỗ dầu, vách gỗ + tôn, mái tôn tráng kẽm, không trần, diện tích $7\text{m} \times 8\text{m} = 56\text{m}^2$; chuồng gà nền đất, cột gỗ tạp, vách gỗ tạp, mái tôn, diện tích $8\text{m} \times 1,85\text{m} = 14,8\text{m}^2$; hồ tròn làm giếng đường kính $0,7\text{m} \times$ cao $1\text{m} \times 3$ cái; nhà vệ sinh nền lát gạch Ceramic, vách tường, dán gạch, móng cột gạch, diện tích $2\text{m} \times 16\text{m} = 32\text{m}^2$; hàng rào trụ bê tông chôn, kéo lưới B40 diện tích $11,4\text{m} \times 2\text{m} = 22,8\text{m}^2$; nền lát gạch Ceramic diện tích $10\text{m} \times 8,5\text{m} = 85\text{m}^2$; nhà mô tiền chế nền xi măng, cốt thép không vách, mái tôn tráng kẽm, không trần diện tích $3,5\text{m} \times 3,3\text{m} = 11,55\text{m}^2$; 01 ngôi mộ xây gạch, dán gạch Ceramic; vách tôn diện tích $2\text{m} \times 2,5\text{m} = 5\text{m}^2$.

[2.5] Về tài sản trên phần đất diện tích $553,3\text{m}^2$ thửa 245c:

Về cây trồng: Các đương sự thống nhất 03 cây dừa trên 06 năm, 01 cây mít từ 06 đến dưới 10 năm và 01 cây xoài từ 04 đến dưới 06 năm do ông Thiệt trồng; 01 cây dừa 01 đến dưới 04 năm là tự mọc; 02 cây đu đủ sắp có trái, 04 cây mít 01 đến dưới 04 năm, 05 bụi chuối do bà M trồng. Theo bà M thì mít là của bà Tr mua cho bà trồng. Các đồng thừa kế khác không có yêu cầu gì đối với các cây do bà M trồng, bà M cũng không có yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán giá trị cây trồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công trình trên đất gồm có: nhà nền xi măng, cột gỗ dầu, vách gỗ + tole, mái tole tráng kẽm, không trần, diện tích $7\text{m} \times 8\text{m} = 56\text{m}^2$; chuồng gà nền đất, cột gỗ tạp, vách gỗ tạp, mái tôn, diện tích $8\text{m} \times 1,85\text{m} = 14,8\text{m}^2$; hồ tròn làm giếng đường kính $0,7\text{m} \times$ cao $01\text{m} \times 03$ cái; nhà vệ sinh nền lát gạch Ceramic, vách tường, dán gạch, móng cột gạch, diện tích $02\text{m} \times 16\text{m} = 3,2\text{m}^2$; hàng rào trụ bê tông chôn, kéo lưới B40 diện tích $11,4\text{m} \times 02\text{m} = 22,8\text{m}^2$; đường đi bê tông không cốt thép diện tích $11,4\text{m} \times 0,75\text{m}$; nền lát gạch Ceramic diện tích $10\text{m} \times 8,5\text{m} = 85\text{m}^2$; nhà mô tiền chế nền xi măng, cốt thép, không vách, mái tôn tráng kẽm, không trần, diện tích $3,5\text{m} \times 3,3\text{m} = 11,55\text{m}^2$; 01 ngôi mộ xây gạch, dán gạch Ceramic; vách tôn diện tích $02\text{m} \times 2,5\text{m} = 5\text{m}^2$.

Vách tôn diện tích $5,2\text{m} \times 2,5\text{m}$ trên đất là của ông N nhưng nay ông N có ý kiến đã cho ông D. Các đương sự đồng ý để vách tôn này trên đất và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự thống nhất: nhà nền xi măng cột gỗ dầu, vách gỗ + tôn, mái tôn tráng kẽm, không trần là nhà trước đây ông Thiệt để lại, bà Tr có làm nền và tu sửa, dán gạch ceramic nhưng do vấn đề tâm linh liên quan đến căn nhà này nên các nguyên đơn đã thống nhất dời nhà sang vị trí khác (ra khỏi nền lát gạch Ceramic diện tích $10\text{m} \times 8,5\text{m} = 85\text{m}^2$); chuồng gà là của bà M; hồ tròn, nhà vệ

sinh, hàng rào của ông Thiệt xây; mộ trên đất là mộ của ông C, nhà mồ và mộ trên đất là do vợ, con ông C làm; đường đi bê tông không cốt thép là đường đi chung của những người dân trong xóm, ấp.

[2.6] Xét yêu cầu phản tố của bà Tr, bà cho rằng có bỏ tiền mua đồ dùng trong nhà thờ và sửa chữa nhà thờ gồm: gắn đèn năng lượng mặt trời 1.200.000 đồng; mua 01 tủ thờ 13.500.000 đồng; mua 02 bộ chân đèn 6.000.000 đồng; sửa 02 bộ ván, 02 giường ngủ và mua 10 cây mít trồng số tiền 5.800.000 đồng; mua 02 đôi chiếu tre 1.020.000 đồng; tiền công làm vách nhà, tôn, sắt 17.320.000 đồng; tiền công thợ và mua gạch lát nền nhà 50.000.000 đồng. Tổng chi phí bà Tr đã bỏ ra 97.000.000 đồng. Bà Tr yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán giá trị cho bà.

Tài liệu, chứng cứ bà Tr cung cấp là các hóa đơn bán lẻ: 01 đèn năng lượng mặt trời 1.200.000 đồng; 01 tủ thờ 13.500.000 đồng; 02 bộ chân đèn 6.000.000 đồng; chiếu tre 1.020.000 đồng; tôn lạnh, HK 30 x 60 x 1,4, VS 5P 11.820.000 đồng; xác nhận của anh Lê Hoàng Nh vào ngày 07/11/2021 có nhận của bà Tr số tiền 5.800.000 đồng sửa 02 bộ ván và mua 10 cây mít; xác nhận ngày 15/9/2022 của ông Dương Văn Hùng (sinh năm 1966, địa chỉ: ấp Long Thị, xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre) nội dung có nhận khoán làm nhà thờ cho bà Tr số tiền 60.000.000 đồng nhưng chỉ làm nhà trên, chưa làm nhà dưới do có tranh chấp nên trừ lại 10.000.000 đồng và số tiền thực nhận là 50.000.000 đồng.

Các nguyên đơn cho rằng nhà thờ là của ông Thiệt để lại, bà Tr có dán gạch. Hiện nay, các nguyên đơn đã di dời ngôi nhà sang vị trí khác. Thực tế, qua xem xét thẩm định tại chỗ và các nguyên đơn thừa nhận tại phiên tòa thì bà Tr có mướn thợ lát gạch Ceramic nền nhà, đồng thời, bà Tr có mua một số đồ dùng trong nhà thờ, mua tôn, sửa chữa nhà thờ và mua chiếu tre, đèn năng lượng mặt trời. Như vậy, bà Tr có bỏ tiền ra đầu tư vào ngôi nhà thờ cũ, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của hàng thừa kế thứ nhất của ông C cho rằng không xác định được và cũng không thống nhất với số tiền bà Tr đưa ra.

Bà Tr yêu cầu các nguyên đơn mỗi người phải thanh toán cho bà số tiền 9.700.000 đồng, ông C chết thì vợ con ông C phải trả số tiền 9.700.000 đồng cho bà. Tại phiên tòa, các nguyên đơn và bà Tr thống nhất số tiền các nguyên đơn và con của ông C phải liên đới trả cho bà Tr là 22.200.000 đồng để cùng bà Tr được quyền sở hữu nhà và các tài sản bà Tr đã mua sắm, tu bổ. Số tiền thỏa thuận không vượt quá yêu cầu phản tố của bà Tr và thấp hơn giá trị hóa đơn. Xét thấy, thỏa thuận không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội nhưng do có 01 người con ông C là chị T đã có ý kiến không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Tr và vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận sự thỏa thuận

mà cần buộc các nguyên đơn và hàng thừa kế của ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tr số tiền 22.200.000 đồng.

Đối với 03 cây dừa trên 06 năm, 01 cây mít từ 06 đến dưới 10 năm và 01 cây xoài từ 04 đến dưới 06 năm do ông Thiệt trồng thì các đồng thừa kế được sở hữu chung.

[2.7] Về người trực tiếp quản lý di sản:

Các nguyên đơn đều trình bày bà M là người có nhà trên phần đất diện tích 295.6m² thửa 245b và đang sống trên đất. Trước đây và hiện nay, bà M vẫn trồng trọt và qua lại nhà trên thửa 245c diện tích 553.3m². Bà Tr, bà M yêu cầu giao bà M trực tiếp quản lý đất. Xét thấy, tại phiên tòa, các nguyên đơn đồng ý để bà M tiếp tục trồng trọt trên đất và qua lại quét dọn nhà cửa, thấp nhang mặc dù trong nhà hiện không còn thờ ai. Đồng thời, với tư cách là người thừa kế của ông Thiệt và là người được quyền sử dụng đất cùng các đương sự khác thì bà M cũng như các nguyên đơn, bị đơn khác đều được quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác trên đất. Vì vậy, khi tuyên giao cho bà M cùng các đồng thừa kế khác được quyền sử dụng đất thì bà M và các đồng thừa kế ai cũng đều có quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

[2.8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Tr là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí trên diện tích đất các nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C và bị đơn nhận thừa kế chung là 9.299.500 đồng (185.990.000 đồng x 5% = 9.299.500 đồng). Do có người được miễn án phí và tư cách tố tụng khác nhau nên cần tính theo phần, mỗi nguyên đơn, bị đơn phải chịu 929.950 đồng (9.299.500 đồng : 10 = 929.950 đồng), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C phải chịu 929.950 đồng. Do bà N, ông D, bà N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà N, ông D, bà N1 được miễn nộp tiền án phí. Bà V, bà D1, bà C1, bà L mỗi người phải chịu án phí số tiền là 929.950 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông D nộp thay bà V là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001958, do ông D nộp thay bà D1 là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001957, do ông D nộp thay bà C1 là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001956, do ông D nộp thay bà L là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001959, các biên lai cùng ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà V, bà D1, bà C1, bà L phải tiếp tục nộp mỗi người số tiền là 429.950 đồng.

Bà M phải chịu án phí trên giá trị đất nhận thừa kế riêng là 4.934.000 đồng ($98.680.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.934.000 \text{ đồng}$) và trên phần nhận thừa kế chung là 929.950 đồng. Tổng cộng bà M phải chịu án phí số tiền là 5.863.950 đồng.

Bà Tr phải chịu án phí trên phần nhận thừa kế chung là 929.950 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.880.000 đồng theo biên lai thu số 0009139 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trả lại bà Tr số tiền 2.950.050 đồng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C phải liên đới chịu án phí số tiền là 929.950 đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Các nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C phải liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Tr là 1.110.000 đồng ($22.200.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.110.000 \text{ đồng}$). Do bà N, ông D, bà N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà N, ông D, bà N1 được miễn nộp tiền án phí, phần được miễn án phí của bà N, ông D, bà N1 là 416.250 đồng [$(1.110.000 \text{ đồng} : 8 = 138.750 \text{ đồng}) \times 3 = 416.250 \text{ đồng}$]. Vì vậy, bà V, bà D1, bà C1, bà L và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C phải liên đới chịu số tiền án phí số tiền là 693.750 đồng ($1.110.000 \text{ đồng} - 416.250 \text{ đồng} = 693.750 \text{ đồng}$).

[5] *Về chi phí tố tụng khác (chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...):*

Nguyên đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C phải liên đới chịu 5.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng do ông D đã nộp là 5.000.000 đồng nên đã nộp đủ.

Bà Tr phải chịu 7.761.000 đồng và đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 657, 658, 667 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 609, 611, 613, 623, 624, 630, 645, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 228, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V, những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em đối với bà Phan Thị M, bà Phan Thị Tr về việc chia thừa kế thừa đất số 245, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

+ Chia thừa kế cho bà Phan Thị M được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 295.6m² (trong đó có 50m² đất ở tại nông thôn và 245.6m² đất trồng cây lâu năm), thửa 245b, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trên đất có nhà và các tài sản của bà Phan Thị M.

+ Chia thừa kế cho bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V, bà Phan Thị M, bà Phan Thị Tr và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em được quyền quản lý, sử dụng chung phần đất diện tích 533.3m² (trong đó có 100m² đất ở tại nông thôn và 433.3m² đất trồng cây lâu năm), thửa 245c, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phước Long, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và được quyền sở hữu nhà, các tài sản có trong nhà, tài sản trên đất (trừ 02 cây đu đủ sắp có trái, 04 cây mít 01 đến dưới 04 năm, 05 bụi chuối của bà Phan Thị M trồng, chuồng gà của bà Phan Thị M và vách tôn diện tích 5,2m x 2,5m của ông Nguyễn Tấn U cho ông Phan Văn D).

(Đất có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo bản án)

- Buộc bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V và những người kế thừa quyền và N vụ của ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em phải có N vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Tr số tiền là 22.200.000đ (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị V, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị C1 và bà Phan Thị L mỗi người phải chịu án phí số tiền là 929.950đ (chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông D nộp

thay bà V là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001958, do ông D nộp thay bà D1 là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001957, do ông D nộp thay bà C1 là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001956, do ông D nộp thay bà L là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001959, các biên lai cùng ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà Phan Thị V, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị C1 và bà Phan Thị L phải tiếp tục nộp mỗi người số tiền là 429.950đ (bốn trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị M phải chịu án phí số tiền là 5.863.950đ (năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị Tr phải chịu án phí là 929.950đ (chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.880.000đ (ba triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009139 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Trả lại bà Phan Thị Tr số tiền là 2.950.050đ (hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em phải liên đới chịu án phí số tiền là 929.950đ (chín trăm hai mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi đồng) và còn phải nộp đủ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị V, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị C1 và bà Phan Thị L và những người kế thừa quyền và N vụ tố tụng của ông C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em phải liên đới chịu số tiền án phí số tiền là 693.750đ (sáu trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Về chi phí tố tụng khác (chi phí đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...):

Bà Phan Thị N, ông Phan Văn D, bà Phan Thị N1, bà Phan Thị C1, bà Phan Thị D1, bà Phan Thị L, bà Phan Thị V và những người kế thừa quyền và N vụ của ông Phan Văn C gồm bà Võ Thị N2, chị Phan Thị P, chị Phan Thị T, chị Phan Thị Y, anh Phan Thanh Thoại, anh Phan Thanh Em phải liên đới chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng

do ông Phan Văn D đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) nên đã nộp đủ.

Bà Phan Thị Tr phải chịu 7.761.000đ (bảy triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) và đã nộp đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang